

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƯỜNG ANH VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƯỜNG ANH VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CUONG ANH VINA TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CUONG ANH VINA TRADING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301252861

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 15, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0973443120

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nội thất                                                                                                   | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                     | 4649(Chính) |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110        |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                       | 7710        |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 11. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                  | 2023        |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                        | 4789        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |
| 27. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ ANH   | Việt Nam  | Thôn Đại Lâm, Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam      | 200.000.000           | 20,000    | 027187010879                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN CƯỜNG | Việt Nam  | Thôn Đại Lâm, Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam      | 800.000.000           | 80,000    | 027084013937                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN THỊ ANH

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/06/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027187010879

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đại Lâm, Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đại Lâm, Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh